xíng fǎ

刑法

Noun · Criminal law

Example Sentences

xíng fǎ shì fǎ lǜ
刑 法是法律。

Criminal law is a type of law.

tā xué xí xíng fǎ xiǎng dāng lǜ shī
他学习刑法，想当律师。

He studies criminal law and wants to become a lawyer.

gēn jù xíng fǎ tōu dōng xī shì fàn zuì
根据刑法，偷东西是犯罪。

According to criminal law, stealing is a crime.

Trace each character, then write the word on your own.

刑 刑 刑 刑 刑 刑 刑 刑 刑

法 法 法 法 法 法 法 法 法 法 法